



BÁO CÁO PHÂN TÍCH TÓM TẮT

Đối tượng:

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (HAGL)

Nguồn thông tin: Từ báo cáo tài chính công bố bởi tổ chức phát hành

Báo cáo phân tích này được thực hiện dựa trên góc độ khách quan, dựa trên mối liên kết logic của các chỉ số nội tại, tuyệt đối không sử dụng nguồn thông tin nội gián, phi chính thức.

Nguồn dữ liệu và thông tin cho báo cáo phân tích này chỉ bao gồm Báo cáo tài chính các năm: 2006, 2007, 2 quý đầu năm 2008.

Chuyên gia phân tích: DoH., **RICH** Education
098 246 2380, hanpd@rich.edu.vn

DOANH THU TĂNG VÀ HIỆU QUẢ TỐT

CHỈ TIÊU	Quý II - 2008	2,007	2,006
Doanh thu	1,363,195	1,588,031	517,139
Lợi nhuận kinh doanh	524,095	507,777	130,802
Lợi nhuận kinh doanh/ doanh thu	38.45%	31.98%	25.29%
Vốn đầu tư kinh doanh ngắn hạn	2,991,669	1,671,559	419,295
. Các khoản phải thu	2,333,131	1,117,125	227,592
. Hàng tồn kho	2,283,037	1,370,092	426,900
. Tài sản ngắn hạn khác	144,646	311,110	28,286
. Vốn chiếm dụng ngắn hạn	1,769,145	1,126,768	263,483
Vốn đầu tư kinh doanh dài hạn	593,882	821,655	386,425
. Tài sản cố định kinh doanh (*)	656,986	622,823	391,048
. Tài sản dài hạn khác	101,193	309,310	28,286
. Vốn chiếm dụng dài hạn	164,297	110,478	32,909
Tổng vốn đầu tư cho kinh doanh	3,585,551	2,493,214	805,720
Suất sinh lợi vốn kinh doanh ngắn hạn	17.52%	30.38%	31.20%
Suất sinh lợi tổng vốn kinh doanh	14.62%	20.37%	16.23%

. Doanh thu tăng trong năm 2007 và hứa hẹn sẽ khả quan trong năm 2008, suất sinh lợi kinh doanh so với doanh số cải thiện liên tục.

. Giá trị hơn, Suất sinh lợi trên vốn đầu tư vào hoạt động kinh doanh ngắn hạn được duy trì ở mức cao. Hơn nữa, suất sinh lợi tổng vốn kinh doanh cao hơn "chốt chặn" lãi suất liên tục trong gần 3 năm. Đó là điều kiện rất cần thiết để doanh nghiệp mở rộng hoạt động, tăng trưởng doanh thu.

PHÂN TÍCH TỔNG TÀI TRỢ

CHỈ TIÊU	Quý II - 2008	2,007	2,006
Tổng vốn đầu tư cho kinh doanh	3,585,551	2,493,214	805,720
Đầu tư tài chính	1,912,198	1,421,651	6,030
Tiền mặt	118,874	1,290,908	132,797
Xây dựng dở dang	329,306	82,760	120,332
Tổng nguồn tài trợ	5,940,009	5,097,576	1,054,015
Vốn chủ sở hữu	3,945,462	3,402,401	509,764
Vốn cổ đông thiểu số	314,704	232,316	35,460
Nợ vay ngắn hạn	823,531	649,474	278,789
Nợ vay dài hạn	856,312	813,385	230,002
Thu nhập từ hoạt động tài chính (**)	425,914	406,589	434
Suất sinh lợi từ đầu tư tài chính	22.27%	28.60%	7.20%
Chi phí cơ hội nguồn vốn kinh doanh	14.62%	20.37%	16.23%

. Nguồn tài trợ, ngoài việc đầu tư hoạt động kinh doanh chính còn phân bổ cho hoạt động đầu tư tài chính với suất sinh lợi rất tốt, cao hơn chi phí cơ hội khi rút vốn từ nguồn kinh doanh chuyển sang

. Tất yếu, sẽ cải thiện suất sinh lợi tổng tài trợ:

CHỈ TIÊU	Quý II - 2008	2,007	2,006
Tổng tài trợ	5,940,009	5,097,576	1,054,015
Tổng thu nhập (EBIT)	952,951	919,515	129,170
Hiệu quả tổng tài trợ	16.04%	18.04%	12.26%

. Rõ ràng, với hiệu quả tổng lực từ hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính đã cải thiện đáng kể hiệu quả tổng nguồn tài trợ, điều đáng nói là luôn ở mức an toàn so với lãi vay ngân hàng.

. Chắc chắn rằng, ROE tăng lên

PHÂN TÍCH ROE

CHỈ TIÊU	Quý II - 2008	2,007	2,006
ROE	16.98%	18.29%	16.06%
Lợi nhuận ròng/ EBIT	70.31%	67.68%	63.37%
EBIT/ Tổng tài trợ (Hiệu quả tổng tài trợ)	16.04%	18.04%	12.26%
Tổng tài trợ/ Vốn chủ sở hữu	1.51	1.50	2.07

. Và thực tế không tăng nhiều như mong muốn. Mặc dù hệ số hiệu quả tổng tài trợ (Chất lượng của doanh nghiệp) tăng lên, hệ số thu nhập (Lợi nhuận ròng/ EBIT) tương đối ổn định, Hệ số đòn bẩy (Tổng tài trợ/ Vốn chủ sở hữu) lại giảm đi, co hẹp rủi ro, kéo lùi hiệu quả (không tăng như mong đợi).

... VÀ NHỮNG QUAN NGẠI VỀ TÍNH THANH KHOẢN TRONG TRUNG HẠN

CHỈ TIÊU	Quý II - 2008	2,007	2,006
Lợi nhuận kinh doanh	524,095	507,777	130,802
Vốn kinh doanh ngắn hạn đầu tư thêm	1,320,110	1,252,264	
Tiền mặt ngắn hạn	(796,015)	(744,487)	

. Điều quan ngại lớn nhất và duy nhất đối với hoạt động kinh doanh của Hoàng Anh Gia Lai là tiền mặt trong hoạt động ngắn hạn

. Lý do chủ yếu làm cho dòng tiền kinh doanh ngắn hạn âm là việc công nợ (phải thu) và tồn kho liên tục tăng mạnh. Cùng với tốc độ bành trướng của công ty (về vốn, tài sản, doanh số), nếu tài sản ngắn hạn leo thang đến mức kém kiểm soát, công ty sẽ dễ lâm vào trạng thái bị động tài chính, rủi ro thanh khoản sẽ xuất hiện, sới mòn lợi ích đầu tư nhanh chóng.

TÓM LƯỢC & ĐỀ XUẤT

. Hoàng Anh Gia Lai là điển hình của một doanh nghiệp có suất sinh lợi cao, giữ ổn định trên mức an toàn của lãi suất vay vốn - kể cả hoạt động kinh doanh lẫn tổng thể doanh nghiệp.

. Hiệu quả tổng đầu tư và tổng tài trợ vì thế được cải thiện.

. Và mặc dù, huy động thêm đáng kể vốn chủ sở hữu nhưng ROE vẫn tăng trưởng nhờ chất lượng thu nhập của Công ty.

. Điều quan ngại lớn nhất đối với Hoàng Anh Gia Lai là dòng tiền ngắn hạn liên tục âm do sự leo thang của các tài sản kinh doanh ngắn hạn, dẫn đến nguy cơ mất tính thanh khoản trong trung hạn.

. Điều đó đồng nghĩa với đề xuất, cần phải tăng cường hệ thống quản trị tài chính và kinh doanh ngắn hạn, nhờ đó, sản sinh dòng tiền nhanh, giải tỏa áp lực tài chính, triệt tiêu rủi ro thanh khoản trong trung hạn của Doanh nghiệp.

Lưu ý

. Báo cáo này thuộc bản quyền của **RICH** Education

. Nội dung báo cáo này có giá trị cao hơn khi được thảo luận trực tiếp với chuyên gia phân tích

. **RICH** Education khuyến khích nhà đầu tư, thành viên sử dụng nhằm mục đích nghiên cứu, phân tích

. Các nội dung trong báo cáo này khi đăng tải trên các phương tiện thông tin phải được trích dẫn nguồn: "**RICH** Education"

. Điều kiện thương mại: Không dùng báo cáo phân tích này bán (thu tiền) dưới mọi hình thức

RICH Education

Đặt nền tảng thể hệ tài chính chuyên nghiệp

Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần HOÀNG ANH GIA LAI

VND 000,000

Khoản mục	Quý II/2008	2,007	2,006
Tổng doanh thu	1,367,131	1,589,430	517,946
Các khoản giảm trừ	3,936	1,399	807
Doanh thu thuần	1,363,195	1,588,031	517,139
Giá vốn hàng bán	774,812	991,086	361,674
Lãi gộp	588,383	596,945	155,465
Chi phí bán hàng	30,002	39,150	9,883
Chi phí quản lý	34,286	50,018	14,780
Lợi nhuận Hoạt động kinh doanh	524,095	507,777	130,802
Thu hoạt động tài chính	428,254	409,346	1,689
Chi phí tài chính	28,904	52,558	16,018
<i>Trong đó, Chi phí lãi vay</i>	<i>26,564</i>	<i>49,801</i>	<i>14,763</i>
Lợi nhuận hoạt động tài chính	399,350	356,788	(14,329)
Thu hoạt động bất thường	5,976	29,463	1,371
Chi hoạt động bất thường	3,034	24,314	3,437
Lợi nhuận bất thường	2,942	5,149	(2,066)
Lợi nhuận trước thuế	926,387	869,714	114,407
Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	192,250	165,592	21,692
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	64,152	81,778	10,855
Lợi nhuận sau thuế	669,985	622,344	81,860
Lợi ích cổ đông thiểu số	14,478	22,560	
Lãi sau thuế của cổ đông công ty mẹ	655,507	599,784	81,860
TÀI SẢN NGẮN HẠN	4,831,015	4,011,681	804,711
Tiền & các khoản tương đương	118,874	1,290,908	132,797
Tiền	118,874	1,290,908	132,797
Các khoản tương đương			
Đầu tư tài chính ngắn hạn	700	115,203	0
Đầu tư ngắn hạn	700	115,203	0
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
Các khoản phải thu	2,333,131	1,117,125	227,592
Phải thu khách hàng	901,228	325,765	99,884
Trả trước cho người bán	947,604	448,037	121,597
Phải thu nội bộ			
Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng			
Phải thu khác	484,512	343,536	6,324
Dự phòng phải thu khó đòi	(213)	(213)	(213)
Hàng tồn kho	2,283,037	1,370,092	426,900
Hàng tồn kho	2,283,337	1,370,392	426,900
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(300)	(300)	
Tài sản ngắn hạn khác	95,273	118,353	17,422
Chi phí trả trước ngắn hạn	6,215	1,202	69
Thuế GTGT được khấu trừ	71,713	47,721	10,275
Thuế, các khoản phải thu Nhà nước	2,329	102	66
Tài sản ngắn hạn khác	15,016	69,328	7,012
TÀI SẢN DÀI HẠN	3,042,436	2,323,141	545,696

Phải thu dài hạn	43,453	1,800	
Phải thu dài hạn khách hàng	500		
Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc			
Phải thu nội bộ dài hạn			
Phải thu dài hạn khác	42,953	1,800	
Phải thu dài hạn khó đòi			
Tài sản cố định	986,292	705,583	511,380
Tài sản cố định hữu hình	577,016	551,494	334,630
Nguyên giá	651,274	606,893	351,109
Hao mòn lũy kế	(74,258)	(55,399)	(16,479)
Tài sản cố định thuê tài chính	0	0	0
Nguyên giá			
Hao mòn lũy kế			
Tài sản cố định vô hình	79,970	71,329	56,418
Nguyên giá	80,739	72,088	56,441
Hao mòn lũy kế	(769)	(759)	(23)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	329,306	82,760	120,332
Bất động sản đầu tư	0	0	0
Nguyên giá		0	0
Hao mòn lũy kế		0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	1,911,498	1,306,448	6,030
Đầu tư vào công ty con			
Liên kết, liên doanh	430,980	270,520	6,000
Đầu tư dài hạn khác	1,480,518	1,035,928	30
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn			
Lợi thế thương mại			
Tài sản dài hạn khác	101,193	309,310	28,286
Chi phí trả trước dài hạn	97,970	305,000	24,619
Thuế thu nhập hoãn lại	2,516	2,516	2,055
Tài sản dài hạn khác	707	1,794	1,612
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	7,873,451	6,334,822	1,350,407
TỔNG NỢ	3,613,285	2,700,105	805,183
Nợ ngắn hạn	2,592,676	1,776,242	542,272
Vay ngắn hạn	823,531	649,474	278,789
Phải trả người bán	166,365	98,829	15,303
Người mua trả tiền trước	484,425	512,816	4,943
Thuế, các khoản phải nộp Nhà nước	247,583	142,704	16,507
Phải trả công nhân viên	10,228	9,238	5,332
Chi phí phải trả	640,089	286,060	114,012
Phải trả nội bộ			
Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng			
Phải trả, phải nộp khác	220,455	77,121	107,386
Dự phòng phải trả ngắn hạn			
Nợ dài hạn	1,020,609	923,863	262,911
Phải trả dài hạn người bán	11		
Phải trả dài hạn nội bộ			
Phải trả dài hạn khác		10,179	15,860
Vay dài hạn	856,312	813,385	230,002
Thuế thu nhập phải trả	162,854	98,702	16,463
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1,432	1,597	586
Dự phòng phải trả dài hạn			

VỐN CHỦ SỞ HỮU	3,945,462	3,402,401	509,764
Vốn & các quỹ	3,952,521	3,389,054	508,382
Vốn điều lệ	1,798,145	1,199,564	387,486
Thặng dư cổ phần	1,467,996	1,559,596	
Vốn khác của CSH			31,142
Cổ phiếu quỹ			
Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	44	80	
Quỹ đầu tư phát triển	8,623	8,623	
Quỹ dự phòng tài chính	22,528	22,528	2,528
Quỹ khác			
Lợi nhuận giữ lại	655,185	598,663	87,226
Nguồn vốn ĐTXDCB			
Nguồn kinh phí & các quỹ khác	(7,059)	13,347	1,382
Quỹ khen thưởng & phúc lợi	(7,059)	13,347	1,382
Nguồn kinh phí			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	314,704	232,316	35,460
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	7,873,451	6,334,822	1,350,407
Test	0	0	0

Chú thích:

(*): Tài sản cố định kinh doanh không bao gồm chi phí xây dựng dở dang (do chưa đưa vào vận hành)

(**): Thu nhập từ hoạt động tài chính = Thu từ hoạt động tài chính - Chi phí hoạt động tài chính + Chi phí lãi vay